

Số: 475/QĐ-KMN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH Quy chế Công bố thông tin của**  
**Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*

*Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 774/TTr-KMN ngày 20/10/2021 và căn cứ Biên bản kiểm phiếu xin ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng chức năng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Người được UQCBTT;
- Thư ký Công ty;
- WEBSITE;
- Lưu: VT, HDQT. HH.02.




**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phan Quốc Nghĩa**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ MIỀN NAM**

	Họ và tên	Chức danh	Chữ ký
Soạn thảo	Hà Thị Hợp	Thư ký Công ty	
Kiểm tra	Trần Thị Thanh Hoa	Trưởng phòng TCHC	
	Nguyễn Ngọc Luận	Tổng Giám đốc	
Phê duyệt	Hội đồng Quản trị		
Mã số: KMN.TCHC.QC.09	Ngày ban hành: 04/11/2021		
Lần ban hành: 01	Hạn cập nhật: Khi có yêu cầu hoặc thay đổi		

309  
NG  
P  
00  
EN  
TP

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 1

**DANH SÁCH PHÂN PHỐI TÀI LIỆU**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị được phân phối tài liệu</b>	<b>Số lượng phân phối</b>
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>	01 bản
<b>II</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Trên BES
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	Trên BES
<b>IV</b>	<b>Các Phòng chức năng</b>	
1.	Phòng Tổ chức - Hành chính	01 bản/website
2.	Phòng Kinh doanh	Trên BES
3.	Phòng Kỹ thuật - An toàn	Trên BES
4.	Phòng Kế hoạch - Đầu tư	Trên BES
5.	Phòng Tài chính - Kế toán	Trên BES

Chữ ký kiểm soát: 

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 2

**BẢNG THEO DÕI QUÁ TRÌNH BAN HÀNH  
VÀ CẬP NHẬT TÀI LIỆU**

Rev.01	Ngày ban hành	Soạn thảo	Kiểm tra	Phê duyệt
01	04/11/2021	Hà Thị Hợp - Thư ký Công ty	Trần Thị Thanh Hoa - Trưởng phòng TCHC Nguyễn Ngọc Luận - Tổng Giám đốc	Hội đồng Quản trị

Chữ ký kiểm soát: 



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 3

**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>4</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng .....	4
Điều 2. Văn bản pháp lý liên quan .....	4
Điều 3. Các chữ viết tắt .....	4
Điều 4. Giải thích từ ngữ .....	5
Điều 5. Nguyên tắc CBTT .....	6
Điều 6. Phương tiện CBTT .....	7
<b>CHƯƠNG II: NỘI DUNG CBTT</b> .....	<b>8</b>
Điều 7. Lưu đồ thực hiện .....	8
Điều 8. Các nội dung CBTT .....	9
<b>CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b> .....	<b>10</b>
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các Phòng chức năng .....	10
Điều 10. Xử lý vi phạm về CBTT .....	10
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm .....	10
Điều 12. Triển khai thực hiện .....	10
<b>PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG</b> .....	<b>12</b>
<b>PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC</b> .....	<b>28</b>
<b>PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU CBTT</b> .....	<b>30</b>

Chữ ký kiểm soát: 

## **CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các Phòng chức năng Công ty, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

- a) Người công bố thông tin.
- b) Các Phòng chức năng Công ty.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của Người nội bộ của Công ty.

### **Điều 2. Văn bản pháp lý liên quan**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 14 tháng 07 năm 2021;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại SGDCK HN ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDCK HN ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK HN;
- Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại SGDCK HCM ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDCK HCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK HCM;
- Căn cứ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Hệ thống quản lý thông tin Công ty dành cho Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn HNX/HOSE (CIMS/ECM);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

### **Điều 3. Các chữ viết tắt**

- Công ty : Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 5

- IDS PRO : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN
- SGDCK/HNX/HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh
- CIMS/ECM : Hệ thống quản lý thông tin Công ty của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- TGD : Tổng Giám đốc
- NĐUQCBTT : Người được ủy quyền CBTT
- BCTC : Báo cáo tài chính (gồm báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất)
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- NNB : Người nội bộ
- NCLQ : Người có liên quan

**Điều 4. Giải thích từ ngữ**1. *NNB của Công ty* là:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
- Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;
- Thư ký Công ty, người phụ trách Quản trị Công ty, người được ủy quyền CBTT.


2. *Ngày CBTT* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT quy định tại Điều 6 Quy chế này.

3. *Ngày báo cáo về việc CBTT* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCKHN/SGDCKHOSE hoặc ngày UBCKNN, SGDCKHN/SGDCKHOSE nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

4. *Đối với tài liệu dưới dạng văn bản*: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:

- Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
- Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: Họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).

5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ.

Chữ ký kiểm soát: 

<b>QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>		
Mã số: KMN.TCHC.QC.09	Lần ban hành: 01	Trang 6

6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/pdf (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).

7. *Người CBTT* là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố.


8. *Người có liên quan<sup>[1]</sup>* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và NNB của doanh nghiệp đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

#### **Điều 5. Nguyên tắc CBTT**

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.
2. Đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi CBTT, đối tượng CBTT theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.
4. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

[<sup>1</sup>] Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

Chữ ký kiểm soát: 



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 7

5. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 4 Điều 5 Quy chế này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc CBTT bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh thực hiện công khai thông tin.

**Điều 6. Phương tiện CBTT**

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.(*).
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống CBTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - IDS Pro.
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh	Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh - Hệ thống CIMS/ECM
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam. Báo in, Báo điện tử, v.v...


**(\*) Lưu ý:**

- Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện CBTT trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn **03 ngày làm việc**, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

- Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

Chữ ký kiểm soát: 



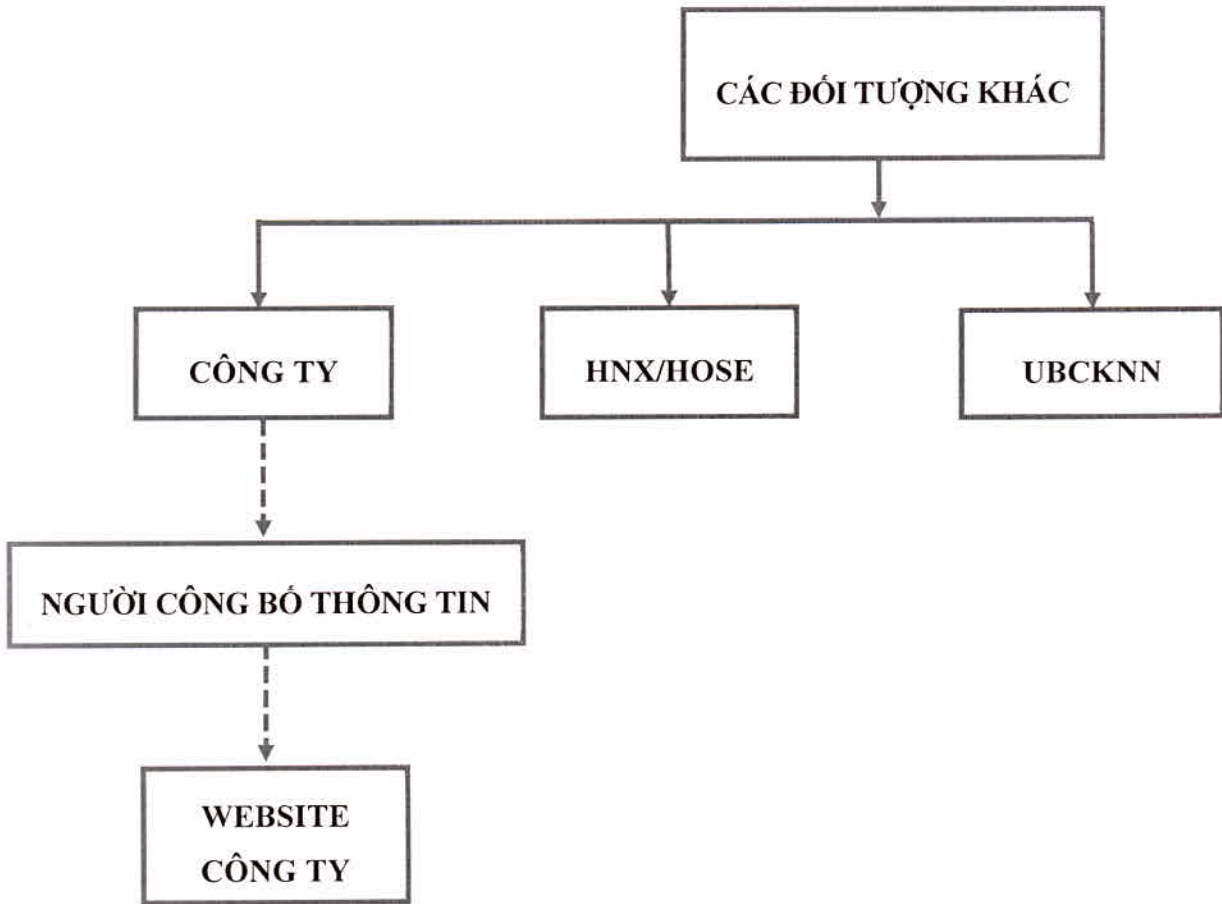
# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 9

## 2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (\*\*)




**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  : Gửi trực tiếp Công ty, UBCKNN và HNX/HOSE

$\dashrightarrow$  : Người CBTT tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên website Công ty.

(\*\*) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 Quy chế này gồm NNB, người có liên quan của NNB của Công ty.

### **Điều 8. Các nội dung CBTT**

1. Các Phòng chức năng theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 01 Quy chế này.
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

Chữ ký kiểm soát: 



## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 10

### CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

#### **Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các Phòng chức năng**

1. Người CBTT chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình tiếp nhận, xử lý các thông tin từ các Phòng chức năng cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này. Trưởng các Phòng chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho người CBTT.

3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các Phòng chức năng (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho người CBTT theo quy định tại Phụ lục 01 kể từ khi phát sinh sự kiện CBTT.

4. Người CBTT phải giám sát việc CBTT và báo cáo Hội đồng Quản trị kết quả thực hiện.

#### **Điều 10. Xử lý vi phạm về CBTT**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý vi phạm về CBTT được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về Quy chế CBTT này.

4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng Quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

#### **Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm**


1. Đối với vi phạm phát sinh từ người CBTT: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc Phòng chức năng: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

#### **Điều 12. Triển khai thực hiện**

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp

Chữ ký kiểm soát: 

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 11

luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng Quản trị quyết định.

Chữ ký kiểm soát:  .....





**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 12

**PHỤ LỤC 1: QUY ĐỊNH CBTT CỦA CÔNG TY**

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
<b>A. CBTT ĐỊNH KỲ</b>				
<b>I</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>			
1	Báo cáo tài chính quý	Trong thời hạn <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn <b>27 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc quý	Phòng Tài chính Kế toán
2	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (bao gồm cả bản cứng)	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>45 ngày</b> kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn <b>03 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Phòng Tài chính Kế toán
3	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (bao gồm cả bản cứng)	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng tối đa không quá <b>60 ngày</b> kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn <b>03 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Phòng Tài chính Kế toán
4	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (bao gồm cả bản cứng)	Trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn <b>08 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký	Phòng Tài chính Kế toán
5	<b>Chú ý khi CBTT Báo cáo tài chính phải giải trình nguyên nhân khi xảy ra 1 trong các trường hợp sau:</b> - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay	CBTT <b>đồng thời</b> với Báo cáo tài chính cần giải trình	Cung cấp đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Phòng Tài chính Kế toán

Chữ ký kiểm soát: 




**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 13

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	<p>đôi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</li> <li>- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</li> </ul>			
<b>II</b>	<b>Báo cáo thường niên</b>			
6	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn <b>20 ngày</b> sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá <b>110 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn <b>18 ngày</b> sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán	Thư ký Công ty
<b>III</b>	<b>Báo cáo tình hình quản trị Công ty</b>			
7	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên	Trong thời hạn <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Trong thời hạn <b>28 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	Thư ký Công ty
8	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm	Trong thời hạn <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Trong thời hạn <b>28 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	Thư ký Công ty

Chữ ký kiểm soát: 


**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 14

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
9	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty	Gửi kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty đến Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/HCM	Ngay sau khi Báo cáo tình hình quản trị Công ty được Chủ tịch HĐQT phê duyệt.	Thư ký Công ty
<b>IV</b>	<b>Đại hội đồng cổ đông</b>			
10	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu <b>24 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký Công ty
11	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu <b>21 ngày</b> trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Tối thiểu <b>25 ngày</b> trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	Thư ký Công ty
12	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu thông qua tại Đại hội <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Thư ký Công ty
<b>V</b>	<b>Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b>			
13	CBTT về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	Tối thiểu <b>24 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký Công ty
14	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và	Tối thiểu <b>10 ngày</b> trước thời hạn phải	Tối thiểu <b>12 ngày</b> trước	Thư ký

Chữ ký kiểm soát: 



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 15

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	gửi lại phiếu lấy ý kiến	thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Công ty
15	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ <i>Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông	Thư ký Công ty
<b>VI</b>	<b>Danh sách Cổ đông Nhà nước, cổ đông chiến lược, cổ đông lớn và cổ phiếu quỹ</b>			
16	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng đầu năm dương lịch	Chậm nhất là ngày <b>30/07</b> <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)</i>	Chậm nhất là ngày <b>26/07</b> <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/06)</i>	Thư ký Công ty
17	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 06 tháng cuối năm dương lịch	Chậm nhất là ngày <b>30/01 năm tiếp theo</b> <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 31/12)</i>	Chậm nhất là ngày <b>26/01</b> <i>(Căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt đến thời điểm gần nhất trước ngày 30/12)</i>	Thư ký Công ty
<b>B. CBTT BẤT THƯỜNG</b>				

Chữ ký kiểm soát: 




**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 16

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
18	Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán
19	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tổ chức Hành chính
20	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> (Gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hồ Chí Minh)	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tổ chức Hành chính
21	Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tổ chức Hành chính

Chữ ký kiểm soát:.....


**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 17

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
22	Quyết định mua lại cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu	Thư ký Công ty
23	Quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi quyết định chào bán chứng khoán ra ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	Thư ký Công ty
24	Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Thư ký Công ty
25	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Thư ký Công ty
26	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi	Phòng Tổ chức

Chữ ký kiểm soát:.....




**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 18

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp, phá sản doanh nghiệp		phát sinh sự kiện	Hành chính
27	Quyết định thay đổi mã số thuế, tên Công ty, con dấu của Công ty	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tổ chức Hành chính
28	Quyết định thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tổ chức Hành chính
29	Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Thư ký Công ty
30	Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Kế hoạch Đầu tư/Phòng Kinh Doanh phối hợp cùng Thư ký Công ty
31	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán
32	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán
33	Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b>	Phòng Tài chính

Chữ ký kiểm soát: 



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 19

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
			kể từ khi phát sinh sự kiện	Kế toán
34	Kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC (nếu có)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC.	Phòng Tài chính Kế toán
35	Ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với BCTC	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán
36	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán /Phòng Tổ chức Hành Chính phối hợp cùng Thư ký Công ty
37	Trường hợp Công ty thay đổi mô hình Công ty (tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc bán để	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi phát sinh sự kiện	Phòng Tài chính Kế toán /Phòng Tổ chức Hành Chính phối hợp cùng Thư ký Công ty

Chữ ký kiểm soát: 


**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 20

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	giảm sở hữu tại Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết).			
38	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với NNB hoặc người có liên quan người có liên quan của NNB hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi ĐHĐCĐ hoặc HĐQT ban hành Quyết định thông qua hợp đồng giao dịch	Phòng Kinh Doanh/Phòng Kế hoạch Đầu tư phối hợp với Thư ký Công ty
39	Thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm CBTT thực hiện như sau:		Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành	Phòng Tài Chính Kế toán/Thư ký Công ty
	- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ	Phòng Tài Chính Kế toán/Thư ký Công ty
	- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi	Phòng

Chữ ký kiểm soát: 






**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 21

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;		Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ	Tài Chính Kế toán/Thư ký Công ty
	- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty chứng khoán; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình theo yêu cầu của khách hàng hoặc để sửa lỗi giao dịch, Công ty CBTT trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi ban hành Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm NNB	Phòng Tổ chức Hành chính phối hợp với Thư ký Công ty
40	Quyết định về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm NNB	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được đơn xin từ chức	Thư ký Công ty
41	Công ty nhận được đơn xin từ chức của NNB (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ thời điểm ban hành quyết định bổ nhiệm NNB mới	Thư ký Công ty
42	Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Bản cung cấp thông tin của NNB mới (nếu có)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ thời điểm ban	Thư ký Công ty

Chữ ký kiểm soát: 



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 22

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
			hành quyết định bổ nhiệm NNB mới	
43	Đối với thông tin công bố về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm NNB: Gửi kèm quyết định/ nghị quyết về việc thay đổi nhân sự	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong vòng <b>02 ngày làm việc</b> kể từ ngày thay đổi người có liên quan của NNB	Thư ký Công ty
44	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi ban hành Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty	Phòng Tài chính Kế toán
45	Nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, NNB của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với NNB của Công ty	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được các Quyết định liên quan	Phòng Tổ chức Hành chính
46	Nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án	Phòng Tổ chức Hành chính

Chữ ký kiểm soát: 

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 23

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
47	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được Quyết định xử phạt	Phòng Tài chính Kế toán
48	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được thông báo của Tòa án.	Phòng Tổ chức Hành chính
49	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty	Phòng Kinh Doanh/ Phòng Kế hoạch Đầu tư/Phòng Tài Chính Kế toán/Phòng Tổ chức Hành chính
50	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi Công ty xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.	Phòng Kinh Doanh/ Phòng Kế hoạch Đầu tư/Phòng Tài Chính Kế toán/Phòng Tổ chức Hành chính

Chữ ký kiểm soát: .....



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 24

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
51	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Thư ký Công ty
52	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Thư ký Công ty
53	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi quyết định góp vốn đầu tư	Thư ký Công ty
54	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi quyết định góp vốn	Thư ký Công ty
55	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp	Trong thời hạn <b>10 ngày</b> , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn <b>08 ngày</b> , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không quá	Phòng Tài chính Kế toán

Chữ ký kiểm soát: 



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 25

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	luật về kế toán doanh nghiệp		89 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	
56	Đối với các sự kiện cần có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền: Công ty thực hiện CBTT theo quy định kể từ khi ban hành quyết định/ng nghị quyết và CBTT	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.	Phòng Tổ chức Hành chính
<b>C. CBTT THEO YÊU CẦU</b>				
57	Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:			
	1) Xây ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được yêu cầu	Phòng Kinh Doanh/ Phòng Kế hoạch Đầu tư/Phòng Tài Chính Kế toán/Phòng Tổ chức Hành chính
	2) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> từ khi nhận được yêu cầu	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được yêu cầu	Phòng Kinh Doanh/ Phòng Kế hoạch Đầu tư/Phòng Tài Chính Kế toán/Phòng Tổ chức Hành chính

Chữ ký kiểm soát:.....


**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 26

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
<b>D. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU</b>				
58	Thực hiện CBTT cho UBCKNN, VSD, báo cáo cho SGDCK đồng thời CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông và các tài liệu liên quan	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Tối thiểu <b>24 ngày làm việc</b> trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ)	Thư ký Công ty
		Tối thiểu <b>10 ngày làm việc</b> trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Tối thiểu <b>12 ngày làm việc</b> trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (thực hiện các quyền khác)	Thư ký Công ty
59	Trường hợp hủy nội dung thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện và ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của SGDCK, CBTT và gửi thông báo cho SGDCK nêu rõ lý do hủy	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi ra thông báo nhưng chậm nhất 04 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng	Thư ký Công ty
<b>E. CBTT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>				
60	CBTT/CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm	Theo quy định pháp luật về chào bán,	Khi phát sinh sự kiện,	Phòng

Chữ ký kiểm soát: 




**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 27

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời gian cung cấp thông tin	Bộ phận cung cấp thông tin
	yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Công ty liên hệ đơn vị tư vấn để hoàn tất các thủ tục có liên quan theo quy định	Tài chính Kế toán/Thư ký Công ty
61	CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật CK hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên TTCK Việt Nam	Khi phát sinh sự kiện, Công ty liên hệ đơn vị tư vấn để hoàn tất các thủ tục có liên quan theo quy định	Phòng Tài chính Kế toán/Thư ký Công ty
62	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Khi phát sinh sự kiện, Công ty liên hệ đơn vị tư vấn để hoàn tất các thủ tục có liên quan theo quy định	Phòng Tài chính Kế toán/Thư ký Công ty
63	Tổng tài sản (ghi trong sổ kế toán) giảm hơn 10% do mua lại cổ phiếu của chính mình	CBTT và báo cho các chủ nợ trong vòng <b>15 ngày</b> kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Trong vòng <b>12 ngày</b> kể từ ngày hoàn tất thanh toán	Phòng Tài chính Kế toán

Chữ ký kiểm soát: 

<b>QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>		
Mã số: KMN.TCHC.QC.09	Lần ban hành: 01	Trang 28

## **PHỤ LỤC 2: QUY ĐỊNH CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

### **1. CBTT về giao dịch của NNB và NCLQ của NNB**

NNB của Công ty và NCLQ của đối tượng này phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK khi **giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi)**, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

– Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu ) theo **Mẫu 16 – GD NNB** tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.

– Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK (*Trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai*).

*Ghi chú: NNB của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*

– Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo **Mẫu 17 – GD NNB** tại Phụ

Chữ ký kiểm soát: .....





<b>QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>		
Mã số: KMN.TCHC.QC.09	Lần ban hành: 01	Trang 29

lục 03 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

## **2. Các nội dung cần lưu ý**


– NNB của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

– Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định.

– Trường hợp Công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

– Trường hợp Công ty mẹ hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định đối với NNB.

– Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty và NCLQ của NNB.

Chữ ký kiểm soát: 

100  
 NG  
 PH  
 HOAN  
 N N  
 P HC











**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**


Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 30

**PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU CBTT CỦA SGDCK HN (\*)**

ST	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
1	Mẫu 01 – BCTN	 Mau 01 - BCTN.docx	Báo cáo thường niên (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
2	Mẫu 02 – BCCTT	 Mau 02 - BCCTT.docx	Bản cung cấp thông tin NNB (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
3	Mẫu 03 – BCQT	 Mau 03 - BCQT.docx	Báo cáo quản trị 06 tháng đầu năm/năm (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
4	Mẫu 04 - BC	 Mau 04 - BC.docx	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)
5	Mẫu 05 - THQ	 Mau 05 - THQ	Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu (Quyết định 02 /QĐ-VSD ban hành ngày 02 tháng 01 năm 2020)
6	Mẫu 06 - DS	 Mau 06 - DS	Danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn của Công ty đại chúng niêm yết/dăng ký giao dịch (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
7	Mẫu 07 - NS	 Mau 07 - NS	Thay đổi nhân sự (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
8	Mẫu 08 - NNB	 Mau 08 - NNB	Danh sách NNB và người có liên quan (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
9	Mẫu 09 - TB	 Mau 09 - NNB	Thông báo thay đổi người có liên quan của NNB (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
10	Mẫu 10 - DKDN	 Mau 10 - DKDN	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động

Chữ ký kiểm soát: 

238  
TY  
VN  
H KE  
AM  
CHIN










**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: KMN.TCHC.QC.09

Lần ban hành: 01

Trang 31

ST	Ký hiệu mẫu biểu	File mẫu	Nội dung
			(Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
11	Mẫu 11 - MHCT	 Mau 11 - MHCT	Thông báo (thay đổi) mô hình Công ty và loại báo cáo tài chính (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
12	Mẫu 12 - SLCP	 Mau 12 - SLCP	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
13	Mẫu 13 - CBTT	 Mau 13 - CBTT	CBTT bất thường (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
14	Mẫu 14 – QTCT	 Mau 14 - QTCT	Bảng cung cấp thông tin về quản trị Công ty (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
15	Mẫu 15 – KT CBTT	 Mau 15 - CBTT	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ CBTT đối với Công ty đại chúng quy mô lớn (Quyết định số 606/QĐ-SGDHN)
16	Mẫu 16 - GD NNB	 Mau 16 - NNB.docx	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của NNB và người có liên quan của của NNB (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)
17	Mẫu 17 - GD NNB	 Mau 17 - NNB.docx	Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu của NNB và người có liên quan của NNB (Thông tư số 96/2020/TT-BTC)

(\*) Trong trường hợp Công ty chuyển sang niêm yết tại Sàn HOSE hoặc Sàn HNX thay đổi biểu mẫu CBTT, HĐQT giao cho TGD triển khai áp dụng theo các biểu mẫu quy định.

Chữ ký kiểm soát: 